TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HS-ST
Ngày 03 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Định và Ông Nguyễn Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Phạm Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Quang S, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1980 tại xã C, tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký cư trú: Khu Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Xuân Đ (chết) và bà Phùng Thị L, sinh năm 1955; vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983 (đã ly hôn); con: có 03 đứa, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 23 tháng 4 năm 2026 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phùng Thị L1, sinh năm 1975; địa chỉ: Tòa nhà C, D, phường C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của bị hại: Ông Lê Văn H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Quang C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964 địa chỉ: Đ, thôn M, xã P, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Ông Đặng Văn D, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn V, xã P, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: từ tháng 11 năm 2024 đến tháng 10 năm 2025, Trần Quang S là công nhân của Nhà máy X, thuộc Công ty Cổ phần K, địa chỉ thôn T, xã P, tỉnh Quảng Trị, được giao nhiệm vụ lái máy xúc, vận hành xe nâng phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy; lợi dụng công ty sơ hở trong việc bảo vệ tài sản, S đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 02 năm 2025, tại khuôn viên Nhà máy X, S chiếm đoạt 04 thanh xà gồ bằng kim loại, bị hoen rỉ, đã qua sử dụng rồi liên hệ với ông Lê Quang C, chủ cơ sở thu mua phế liệu C1 đến thu mua. S thống nhất bán số tài sản trên với giá 8.000 đồng/1kg và nhận từ ông C số tiền 3.000.000 đồng, ông C sử dụng xe có gắn cẩu vận chuyển số tài sản này ra khỏi Công ty. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị kết luận: 04 thanh xà gồ có tổng trị giá 5.072.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 5 năm 2025, cũng tại Nhà máy X, S chiếm đoạt 01 Cối xay công nghiệp làm bằng kim loại, bị hoen rỉ, đã qua sử dụng rồi bán cho ông C theo hình thức tương tự. Hai bên thống nhất giá và ông C trả cho S 8.800.000 đồng. Ngoài ra, S còn giao thêm cho ông C 03 tấm lưới bằng kim loại cỡ nhỏ, có kích thước dài 250 cm, rộng 46cm thuộc sở hữu Công ty mà không thu tiền. S sử dụng xe nâng của Công ty để bốc xếp tài sản lên xe để ông C chở về nhà. Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị kết luận: 01 Phễu công nghiệp có trị giá 5.649.000 đồng, 03 tấm hàng rào lưới làm bằng kim loại có trị giá 154.000 đồng; tổng trị giá 5.803.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 8 năm 2025, tại khu vực mỏ đá của Công ty Cổ phần K thuộc thôn M, xã P, tỉnh Quảng Trị, S chiếm đoạt trộm 01 phễu công nghiệp bằng kim loại đã qua sử dụng. Khi gọi ông C đến thu mua, S và ông C thỏa thuận bán với giá 7.500 đồng/01kg, ông C sử dụng xe cẩu vận chuyển tài sản đưa về nhà. Ngày hôm sau, S đến cơ sở thu mua phế liệu C1 để lấy từ bà H2 số tiền mặt 6.000.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị kết luận: 01 cối xay công nghiệp có trị giá 9.000.000 đồng.

Tổng số tiền S thu được từ việc bán các tài sản chiếm đoạt được của Công ty là 17.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Trần Quang S đã chiếm đoạt theo kết luận định giá là 19.875.000 đồng.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản trên của Trần Quang S, trong khoảng thời gian tháng 10/2025, có đối tượng Đặng Văn D 07 lần lén lút chiếm đoạt 07 tấm hàng rào lưới bằng kim loại của Nhà máy X. Mỗi lần thực hiện cách nhau từ 05 đến 10 ngày. Sau khi chiếm đoạt, D bán tài sản cho cơ sở thu mua phế liệu Chiến H3 lấy tiền tiêu xài cá nhân. Theo Kết luận định giá tài sản số 01/KL-

HĐĐGTS ngày 21/03/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị, kết luận: Tổng giá trị 07 tấm hàng rào lưới là 1.179.000 đồng.

Thu giữ và xử lý vật chứng: Cơ sở thu mua phế liệu Chiến Hà tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 04 (bốn) thanh xà gồ, 01 (một) Cối xay công nghiệp, 01 (một) Phễu công nghiệp, 07 (bảy) tấm hàng rào lưới (cỡ lớn) và 03 (ba) tấm lưới (cỡ nhỏ). Quá trình điều tra, đã xử lý trả lại toàn bộ tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là đại diện Công ty Cổ phần K.

Về dân sự: Công ty Cổ phần K không có yêu cầu bồi thường thiệt hại; Trần Quang S đã hoàn trả lại cho Cơ sở thu mua phế liệu C1, tổng số tiền 17.800.000 đồng.

- Cáo trạng số 32/CT-VKSQTI-KV ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Trần Quang S về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn D, nhưng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án; bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền hoàn trả khắc phục hậu quả; tại phiên toà không ai có yêu cầu gì thêm. Xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị giữ quyền công tố và luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bị cáo Trần Quang S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Quang S từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền bồi thường, không ai có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

+ Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí toàn bộ nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đã truy tố, không tranh luận, bào chữa. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại trình bày đã nhận tài sản, không yêu cầu dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 8 năm 2025, tại địa bàn xã P, tỉnh Quảng Trị, lợi dụng sơ hở của trong việc bảo vệ tài sản, bị cáo lén lút thực hiện 03 lần chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần K. Theo kết luận của Hội đồng định giá: lần thứ nhất chiếm đoạt 04 thanh xà gồ, trị giá 5.072.000 đồng; lần thứ hai chiếm đoạt 01 Phễu công nghiệp có trị giá 5.649.000 đồng và 03 tấm hàng rào lưới làm bằng kim loại, có trị giá 154.000 đồng; lần thứ ba chiếm đoạt 01 Cối xay công nghiệp, có trị giá 9.000.000 đồng; tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 19.875.000 đồng. Hội đồng xét xử kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", thuộc trường hợp "Trộm cắp tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 32/CT-VKSQTI-KV ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các lần bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên cần xem xét cho bị cáo đó là, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện hoàn trả tiền để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt, thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt.

Xét bị cáo bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường, khắc phục hậu quả; cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt cải tạo không giam giữ, giao cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sữa chữa lỗi lầm, thể hiện khoan hồng của pháp luật, đồng thời đảm bảo tác dụng và mục đích của hình phạt. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, xác định bị cáo nghề nghiệp lao động tự do,

không có khả năng thi hành án khi áp dụng hình phạt bổ sung, đồng thời miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[3] Về vật chứng: Công ty Cổ phần K đã nhận lại các tài sản bị cáo và đối tượng Đặng Văn D chiếm đoạt, tại phiên toà không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 15.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, tuy nhiên tại phiên toà Công ty Cổ phần K không yêu cầu bị cáo bồi thường, do vậy trả lại số tiền này cho bị cáo; cơ sở thu mua phế liệu C đã nhận đầy đủ số tiền bị cáo bồi thường, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[5] Hành vi liên quan: Đối tượng Đặng Văn D có hành vi trộm cắp tài, tổng trị giá chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, chưa đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, cơ quan điều tra đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định. Cơ sở thu mua phế liệu H4 do ông C trực tiếp đến tại Công ty Cổ phần K để mua tài sản do S và D bán, nhưng không biết bị cáo và đối tượng này không có thẩm quyền bán tài sản, không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không cấu thành tội.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; các khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án".

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quang S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Quang S 2 (hai) năm 3 (ba) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh P nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Trần Quang S cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Phú Thọ phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Trường hợp bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo các khoản 1, 2 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

3. Về dân sự: Trả cho bị cáo số tiền 15.000.000 đồng tự nguyện nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, theo Biên lai thu tiền số 0000002, ngày 01 tháng 7 năm 2026.

4. Án phí: Buộc bị cáo Trần Quang S chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/8/2026) đối với người có mặt và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Anh Đức